

Thư của Phao-lô gửi Tít (Tít)

Mục-đích: Để chỉ-bảo Tít về nhiệm-vụ giám-thị các hội-thánh trên đảo Co-rét

Người viết: Phao-lô

Gửi cho: Tít, người Hy-lạp, có lẽ đã tin Co-rít-tô qua mục-vụ của Phao-lô. Người đã trở thành người đại-diện đặc-biệt của Phao-lô trên đảo Co-rét.

Ngày viết: Vào năm 64 SC (Sau Co-rít-tô Giáng-sinh) viết cùng lúc với 1 Ti-mô-thê; có lẽ từ Ma-xê-đoan khi Phao-lô du-hành giữa các lần bị bỏ tù tại Rô-ma

Bối-cảnh: Phao-lô sai Tít tổ-chức và giám-thị các hội-thánh tại Co-rét. Bức thư này cho Tít biết cách thức làm việc giám-thị này.

Câu gốc: “Vi lý-do này ta đã để người ở lại trong Co-rét, để người thu-xếp điều còn lại và bổ-nhiệm các trưởng-lão trong mỗi thành-phố như ta đã chỉ-dẫn người” (1.5)

Nhân-vật chính: Phao-lô, Tít

Chỗ chính: Co-rét, Ni-cô-bô-li

Nét đặc-trung: Thư Tít tương-tự với thư 1 Ti-mô-thê gồm các chỉ-dẫn cho những người chăn (các trưởng-lão)

Ý chính: Một người lãnh-đạo ra đi mà không có sẵn kế-kê-vị thì sẽ có một chỗ trống nguy-hại. Được Phao-lô dạy-dỗ, nhiều người, có học-vấn, giỏi ăn nói, có động-lực, và được đầy-dẫy Đức Thánh-Linh, ra đi thuyết-giảng tin-lành của Co-rít-tô khắp đế-quốc Rô-ma—nhiều đời sống đã được biến-đổi và các hội-thánh đã bắt đầu. Nhưng Phao-lô biết rằng hội-thánh phải được gây-dựng trên Co-rít-tô, chứ không phải trên một con người nào khác. Và ông cũng đã biết rằng ông cũng không ở đó để gây-dựng, khuyến-khích, đào-tạo môn-đồ, và dạy-dỗ. Vì vậy ông đã huấn-luyện các người chăn trẻ để lãnh-đạo hội-thánh sau khi ông ra đi. Phao-lô thúc-giục họ tập-trung đời sống và việc dạy-dỗ họ trên lời Đức Chúa TRỜI (2 Ti-mô-thê 3.16) và huấn-luyện các người khác để thực-hành mục-vụ (2 Ti-mô-thê 2.2).

Tít là một tín-nhân Hy-lạp. Phao-lô đã dạy-dỗ và nuôi-dưỡng Tít, đưa người ra đứng trình-diện trước hội-đồng trưởng-lão Giê-ru-sa-lem

như một thí-dụ sống của việc Co-rít-tô đã đang làm giữa các dân Ngoại-bang (Ga-la-ti 2.1-2.3). Giống như Ti-mô-thê, Tít là bạn đồng-hành thân-thiết và đáng tin-cậy của Phao-lô. Sau này, Tít trở thành vị đặc-sứ của Phao-lô (2 Cô-rinh-tô 7.5-7.16) và cuối cùng làm người coi sóc của các hội-thánh trên đảo Co-rét (Tít 1.5). Từ từ và cẩn-thận, Phao-lô phát-triển Tít thành một Co-rít-nhân trưởng-thành và người lãnh-đạo biết trách-nhiệm. Bức thư Tít là một bước kế-tiếp trong tiến-trình huấn-luyện môn-đồ này. Phao-lô, như đã cho Ti-mô-thê, cũng cho Tít biết cách tổ-chức và lãnh-đạo các hội-thánh.

Phao-lô bắt đầu bằng lời chào-thăm và dẫn-nhập dài hơn thường-lệ, phát-họa tiến-trình phát-triển lãnh-đạo—mục-vụ của Phao-lô (1.1-1.3), các trách-nhiệm của Tít (1.4-1.5), và các người lãnh-đạo mà Tít sẽ bổ-nhiệm và huấn-luyện (1.5). Phao-lô liệt-kê ra phẩm-chất của một người chăn (1.6-1.9) và đối-chiếu với các người lãnh-đạo và giáo-sư giả (1.10-1.16).

Kế đó, Phao-lô nhấn mạnh đến tầm quan-trọng của các việc làm lành trong đời sống của Co-rít-nhân, cho Tít biết cách thức liên-hệ với các nhóm tuổi khác nhau trong hội-thánh (2.2-2.6).

Ông nài-khuyên Tít làm gương tốt của một Co-rít-nhân trưởng-thành (2.7-2.8) và dạy-dỗ với sự can-đảm và lòng tin-chắc (2.9-2.15). Đoạn, ông bàn-luận đến các trách-nhiệm tổng-quát của Co-rít-nhân trong xã-hội—Tít phải nhắc-nhở người ta về các việc này (3.1-3.8), và người phải tránh các lý-luận chia rẽ (3.9-3.11).

Phao-lô kết-luận bằng lời kêu gọi Tít sớm đến cùng ông và có các lời chào-thăm cá-nhân (3.12-3.15).

Bức thư Phao-lô gửi cho Tít ngắn nhưng là một móc nối quan-trọng trong tiến-trình huấn-luyện môn-đồ—giúp một thanh-niên tăng-trưởng đến mức lãnh-đạo trong hội-thánh. Khi quý vị đọc thư này, quý vị sẽ nhận được sự am-hiểu về tổ-chức và đời sống của hội-thánh ban đầu và các nguyên-tắc để tổ-chức các hội-thánh hiện-tại. Nhưng quý vị cũng sẽ thấy thế nào để là một người lãnh-đạo Co-rít-nhân có trách-nhiệm.

Đọc thư Tít và xin quý vị quyết-định, như Phao-lô, huấn-luyện người để lãnh-đạo và dạy-dỗ những người khác.

Tít 1.1-1.11

1. Sự lãnh-đạo trong hội-thánh (1.1-1.16)

Lời chào-thăm mở đầu (1.1-1.4)

1 Phao-lô, một kẻ nô-lệ của Đức Chúa TRỜI, và một sứ-đồ của Giê-xu Cơ-rít-tô, vì đức-tin của những kẻ được chọn bởi Đức Chúa TRỜI và sự nhận-biết lẽ thật, theo sự tin-kính, ²trong niềm hy-vọng có sự sống đời đời, mà Đức Chúa TRỜI, Đấng không thể nói dối, đã hứa trước thời-kỳ đời đời, ³song ở thời-kỳ thích-hợp đã bày tỏ, lời của Ngài, trong sự công-bố mà với nó ta đã được tín-nhiệm theo mạng-lệnh của Đức Chúa TRỜI là Cứu-Chúa của chúng ta,

⁴Gửi cho Tít, đứa con thật của ta theo đức-tin chung: Ân-điễn⁽¹⁾ và bình-an từ Đức Chúa TRỜI là Cha và Cơ-rít-tô Giê-xu là Cứu-Chúa của chúng ta.

Phẩm-chất của người lãnh-đạo hội-thánh (1.5-1.9)

5Vì lý-do này ta đã để người ở lại trong đảo Co-rét, để người thu-xếp điều còn lại và bổ-nhiệm các trưởng-lão trong mỗi thành-phố như ta đã chỉ-dẫn người, ⁶ấy là, nếu ông nào không trách được, chồng của một vợ, có con-cái là những kẻ tin, không bị cáo về sự phung-phí hay nổi loạn. ⁷Vì giám-mục⁽²⁾ phải không trách được với tư cách là người quản lý của Đức Chúa TRỜI, không bướng bỉnh, không nhạy giận, không ghiền rượu, không hay cãi, không thích lợi lộc bản thiù, ⁸nhưng hiếu khách⁽³⁾, thích điều thiện, biết phải trái, công-bình, ngoan-đạo, tự chủ, ⁹giữ vững lời trung-thực phù-hợp với sự giảng-dạy, rằng là người sẽ có khả-năng cả cổ vũ trong giáo-lý đúng lẫn bẻ lại những kẻ nói nghịch.

Cảnh-cáo về các giáo-sư giả (1.10-1.16)

10Vì có nhiều người chống đối, những kẻ nói bông-lông và những kẻ lừa-dối, đặc-biệt là những kẻ thuộc nhóm cắt-bì, ¹¹là những kẻ phải bị làm im tiếng vì họ đang làm xáo trộn toàn-bộ các gia-đình, đang dạy các điều họ không nên dạy, vì có lợi bản thiù.

¹Vài bản cổ xưa khác đọc: ân-điễn, sự khoan-dung

²hay: kẻ coi-sóc, trưởng-lão, mục-tử

³sẵn lòng tiếp-đón và chiêu-đãi khách

Titus 1.1-1.11

1. Leadership in the church (1.1-1.16)

The opening greeting (1.1-1.4)

1 Paul, a bond-slave of God, and an apostle of Jesus Christ, for the faith of those chosen by God and the knowledge of the truth which is according to godliness, ²in the hope of eternal life, which God, who cannot lie, promised before time eternal, ³but at the proper time manifested, *even* His word, in the proclamation with which I was entrusted according to the commandment of God our Savior,

⁴To Titus, my true child according to a common faith: Grace and peace from God the Father and Christ Jesus our Savior.

Qualifications of church leaders (1.5-1.9)

5For this reason I left you in Crete, that you might set in order what remains, and appoint elders in every city as I directed you, ⁶*namely*, if any man is above reproach, the husband of one wife, having children who believe, not accused of dissipation or rebellion. ⁷For the overseer must be above reproach as God's steward, not self-willed, not quick-tempered, not addicted to wine, not pugnacious, not fond of sordid gain, ⁸but hospitable, loving what is good, sensible, just, devout, self-controlled, ⁹holding fast the faithful word which is in accordance with the teaching, that he will be able both to exhort in sound doctrine and to refute those who contradict.

Warning against false teachers (1.10-1.16)

10For there are many rebellious men, empty talkers and deceivers, especially those of the circumcision, ¹¹who must be silenced because they are upsetting whole families, teaching things they should not *teach*, for the sake of sordid gain.

Titus 1.12-2.10

¹²One of themselves, a prophet of their own, said, “Cretans are always liars, evil beasts, lazy gluttons.” ¹³This testimony is true. For this reason rebuke them severely that they may be sound in the faith, ¹⁴not paying attention to Jewish myths and commandments of those who turn away from the truth. ¹⁵To the pure, all things are pure; but to those who are defiled and unbelieving, nothing is pure, but both their mind and their conscience are defiled. ¹⁶They profess to know God, but by *their* deeds they deny *Him*, being detestable and disobedient and worthless for any good deed.

2. Right living in the church (2.1-2.15)

Responsibilities of old and young persons and of a servant (2.1-2.10)

2 ¹But as for you, speak the things which are fitting for sound doctrine. ²Older men are to be temperate, dignified, sensible, sound in faith, in love, in perseverance. ³Older women likewise are to be reverent in their behavior, not malicious gossips, nor enslaved to much wine, teaching what is good, ⁴that they may encourage the young women to love their husbands, to love their children, ⁵*to be* sensible, pure, workers at home, kind, being subject to their own husbands, that the word of God will not be dishonored. ⁶Likewise urge the young men to be sensible; ⁷in all things show yourself to be an example of good deeds, *with* incorruptibility in doctrine, dignified, ⁸*sound in* speech which is beyond reproach, in order that the opponent may be put to shame, having nothing bad to say about us. ⁹Urge slaves to be subject to their own masters in everything, to be well-pleasing, not argumentative, ¹⁰not pilfering, but showing all good faith that they will adorn the doctrine of God our Savior in every respect.

Tít 1.12-2.10

¹²Một người trong bọn họ, một tiên-tri của riêng họ, đã nói: “Những người *đảo* Co-rét luôn luôn là những kẻ nói dối, những con vật xấu-xa, những kẻ tham ăn làm biếng.” ¹³Lời chứng này là thật. Vì lý-do này, hãy quở-trách họ một cách nặng-nề, để họ có thể đứng đắn trong đức-tin; ¹⁴chớ chú ý đến các chuyện hoang-đường của người Giu-đa và các điều-răn của những kẻ quay đi khỏi lẽ-thật. ¹⁵Đối với những kẻ trong sạch, tất cả các sự việc đều là trong sạch; song đối với những kẻ bị làm ô-uế và không tin, không có điều gì là trong sạch, nhưng cả trí của họ lẫn lương-tâm của họ đều bị làm ô-uế. ¹⁶Họ xưng-nhận biết *Đức* Chúa TRỜI, nhưng bởi các việc làm *của họ*, họ phủ-nhận *Ngài*, *họ* đáng ghê-tởm và không tuân-phục và không có giá-trị cho bất cứ một việc làm tốt-lành nào cả.

2. Sống đúng đắn trong hội-thánh (2.1-2.15)

Trách-nhiệm của người già và trẻ và của người dạy-tớ (2.1-2.10)

2 ¹Nhưng về phần người, hãy nói những điều hợp với giáo-lý đúng. ²Các ông lớn tuổi hơn thì phải điều độ, có phẩm cách, biết phải trái, đứng đắn trong đức-tin, trong tình thương, trong sự bền-chí. ³Các bà lớn tuổi hơn cũng vậy, phải kính trọng trong tư cách đạo đức của họ, không được là những kẻ đồn miệng độc địa, không bị bắt làm nô-lệ của nhiều rượu, dạy điều tốt-lành, ⁴để họ có thể khuyến-khích các phụ-nữ trẻ thương-yêu chồng của chúng, thương con-cái của chúng, ⁵biết phải trái, trong sạch, là người làm việc ở nhà, tử-tế, chịu phục tùng chính chồng của mình, để lời của *Đức* Chúa TRỜI sẽ không bị làm ô-danh. ⁶Giống như vậy, hãy thúc-giục các thanh-nam biết phải trái; ⁷trong tất cả các sự việc hãy tự tỏ mình là một gương-mẫu về các việc làm lành, *với* tính không thể mua chuộc được về giáo-lý, có phẩm cách, ⁸đúng *trong* lời nói không trách được, để kẻ chống-đối bị xấu-hổ, không có một điều gì xấu để nói về chúng ta. ⁹Hãy thúc-giục các kẻ nô-lệ phục tùng chính chủ của chúng trong mọi sự, làm vui lòng, không cãi lại, ¹⁰không ăn-cắp vật, nhưng tỏ ra mọi đức-tin tốt để chúng sẽ làm tăng thêm vẻ đẹp giáo lý của *Đức* Chúa TRỜI Cứu-Chúa của chúng ta trong mọi mối quan-hệ.

Tít 2.11-3.7

Ân-điển của Đức Chúa TRỜI (2.11-2.15)

¹¹Vì ân-điển của Đức Chúa TRỜI đã biểu lộ, đem sự cứu-rỗi cho mọi người, ¹²chỉ dạy chúng ta phủ-nhận sự không tin-kính và các tham muốn thể-tục và sống biết phải trái, một cách công-chính và một cách tin-kính trong đời hiện-tại, ¹³chờ đợi hy-vọng phước hạnh đó và sự hiện ra của vinh-quang của Đức Chúa TRỜI vĩ-đại và Cứu-Chúa của chúng ta, là Cơ-rít-tô Giê-xu, ¹⁴là Đấng đã tự phó chính Ngài vì chúng ta để cứu-chuộc chúng ta khỏi mọi việc làm vô luật lệ, và để làm tinh-sạch cho chính Ngài một dân làm tài-sản riêng của Ngài, sốt-sắng vì các việc làm lành.

¹⁵Các điều này nói và thúc đẩy và khiển-trách với mọi quyền-lực. Chớ để một ai khinh-dễ người.

3. Sống đúng đắn trong xã-hội (3.1-3.15)

Tuân theo chính-quyền (3.1-3.8a)

3 ¹Hãy nhắc-nhở họ phục tùng những kẻ cai-trị, các quyền-lực, phải vâng lời, phải sẵn-sàng vì mọi việc lành, ²chớ phi-báng một người nào cả, không hay gây-gỗ, *phải* hòa-nhã, tỏ lòng hết sức tôn kính mọi người. ³Vì chính chúng ta một lần cũng đã là dại dột, không tuân-phục, bị lừa-dối, bị bắt làm nô-lệ của những thú-tính và các khoái-lạc khác nhau, sống cuộc đời mình trong ác tâm và ganh-tị, đầy căm-thù, và căm-ghét nhau. ⁴Nhưng khi sự ân-cần của Đức Chúa TRỜI Cứu-Chúa chúng ta và tình thương của Ngài cho nhân-loại đã lộ ra, ⁵Ngài đã cứu-rỗi chúng ta, không trên nền-tảng của việc làm mà chúng ta đã làm trong sự công-chính, nhưng theo sự khoan-dung của Ngài, bởi việc rửa sạch của sự tái-sinh và sự đổi mới bởi Đức Thánh-Linh, ⁶Đấng mà Ngài đã đổ ra trên chúng ta một cách dồi-dào qua Giê-xu Cơ-rít-tô là Cứu-Chúa của chúng ta, ⁷rằng được xưng công-chính bởi ân-điển của Ngài chúng ta đã được làm thành các kẻ kẻ-tự theo hy-vọng có sự sống đời đời.

Titus 2.11-3.7

God's grace (2.11-2.15)

¹¹For the grace of God has appeared, bringing salvation to all men, ¹²instructing us to deny ungodliness and worldly desires and to live sensibly, righteously and godly in the present age, ¹³looking for the blessed hope and the appearing of the glory of our great God and Savior, Christ Jesus, ¹⁴who gave Himself for us to redeem us from every lawless deed, and to purify for Himself a people for His own possession, zealous for good deeds.

¹⁵These things speak and exhort and reprove with all authority. Let no one disregard you.

3. Right living in society (3.1-3.15)

Obey the government (3.1-3.8a)

3 ¹Remind them to be subject to rulers, to authorities, to be obedient, to be ready for every good deed, ²to malign no one, to be uncontentious, gentle, showing every consideration for all men. ³For we also once were foolish ourselves, disobedient, deceived, enslaved to various lusts and pleasures, spending our life in malice and envy, hateful, hating one another. ⁴But when the kindness of God our Savior and His love for mankind appeared, ⁵He saved us, not on the basis of deeds which we have done in righteousness, but according to His mercy, by the washing of regeneration and renewing by the Holy Spirit, ⁶whom He poured out upon us richly through Jesus Christ our Savior, ⁷that being justified by His grace we would be made heirs according to the hope of eternal life.

Titus 3.8-3.15

Avoid useless arguments (3.8b-3.11)

8This is a trustworthy statement; and concerning these things I want you to speak confidently, so that those who have believed God may be careful to engage in good deeds. These things are good and profitable for men. **9**But shun foolish controversies and genealogies and strife and disputes about the Law, for they are unprofitable and worthless. **10**Reject a factious man after a first and second warning,¹¹ knowing that such a man is perverted and is sinning, being self-condemned.

Paul's final instructions (3.12-3.15)

12When I send Artemas or Tychicus to you, make every effort to come to me at Nicopolis, for I have decided to spend the winter there. **13**Diligently help Zenas the lawyer and Apollos on their way so that nothing is lacking for them. **14**And let our people also learn to engage in good deeds, that they will not be unfruitful.

15All who are with me greet you. Greet those who love us in *the* faith.

Grace be with you all.

Tít 3.8-3.15

Tránh tranh-luận vô-ích (3.8b-3.11)

8Đây là lời phát-biểu đáng tin-cậy; và về các điều này ta muốn người nói một cách quả-quyết, ngõ hầu những kẻ đã tin Đức Chúa TRỜI có thể thận-trọng làm các việc làm lành. Các việc này là tốt và có ích cho loài người. **9**Nhưng hãy tránh các cuộc tranh-luận dai dột và các gia-phổ và sự xung đột và các sự tranh-chấp về Luật-pháp, vì chúng không có ích và không có giá-trị. **10**Hãy loại ra người có óc bè đảng sau lời cảnh-cáo lần thứ nhất và lần thứ nhì, **11**biết rằng một người thể ấy bị đưa vào con đường sai và đang phạm tội, bị tự kết-án.

Các lời chỉ-dạy cuối-cùng của Phao-lô (3.12-3.15)

12Khi ta sai A-tê-ma hay Ti-chi-cơ đến cùng người, hãy làm mọi cố-gắng để đến cùng ta tại Ni-cô-bô-li, vì ta đã quyết định trải qua mùa đông ở đó. **13**Một cách chuyên cần hãy giúp-đỡ luật-sư Xê-na và A-bô-lô trên đường đi của họ, ngõ hầu họ không thiếu-thốn một thứ gì cả. **14**Và người của chúng ta cũng hãy học làm các việc làm lành, để chúng sẽ chẳng không có kết quả.

15Tất cả những người ở cùng ta chào-thăm người. Hãy chào-thăm những kẻ yêu-thương chúng ta trong đức-tin.

Xin ân-điễn ở với tất cả anh em⁽¹⁾.

¹bản khác thêm: A-men